

Bản án số: 01/2019/HSST
Ngày: 21-01-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 116/2018/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Hoàng P, sinh năm 1990 tại B

Nơi cư trú: Ấp D, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L và bà Đỗ Ngọc C; Tiền án 01

- Ngày 10/9/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Nhân thân:

- Ngày 22/01/2007 bị Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 3 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999. (Do bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không coi là tiền án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2018 cho đến nay (Có mặt)

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1970 (Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Đức Hòa, TT. Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 12/10/2018, Đỗ Hoàng P điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số) chở Thị H, sinh năm 1998 (chung sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn) đi từ T2, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước về nhà tại t4, xã Đ, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Khi P điều khiển xe đi đến đoạn đường QL14 thuộc thôn S, xã T, huyện Bù Đăng thì phát hiện 01 xe mô tô biển số 93L1-18XXX của chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1970 dừng trước quán cà phê 679. Lúc này P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên nên P điều khiển xe đi qua quán khoảng 15m thì dừng xe lại. P xuống xe nói H điều khiển xe đi về nhà trước còn P đi chơi với bạn thì H đồng ý. P đi bộ quay lại quán cà phê 679 quan sát thấy không có người trông coi, P đi đến vị trí xe mô tô của chị K thì thấy trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên P ngồi lên xe mở khóa rồi đề khởi động máy điều khiển xe chạy ra đường QL 14 hướng về thị xã Đồng Xoài để tìm nơi tiêu thụ. Ngay sau đó, chị K phát hiện truy hô và báo Công an xã Thọ Sơn. Khi P điều khiển xe đến T2 xã Đức Liễu thì bị công an xã Đức Liễu phối hợp với Công an xã Thọ Sơn bắt quả tang cùng tang vật.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 67/KLĐG ngày 15/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng kết luận: 01 xe mô tô biển số 93L1 – 18XXX tại thời điểm phạm tội có giá trị là 25.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade Fi biển kiểm sát 93L1-18XXX màu vàng – trắng – đen số khung JF4607DY625XXX; số máy JF46E4315XXX đã trả lại cho người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT – VKS.BĐ ngày 21/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Đỗ Hoàng P về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Hoàng P phạm “Tội trộm cắp tài sản”; về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng P từ 18 (mười tám) tháng đến 24 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo Đỗ Hoàng P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 16 giờ ngày 12/10/2018, Đỗ Hoàng P điều khiển xe mô tô chở Thị H đi đến đoạn đường QL14 thuộc thôn Sơn Hiệp, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng thì phát hiện 01 xe mô tô biển số 93L1-18XXX của chị Nguyễn Thị K dựng trước quán cà phê 679 chìa khóa vẫn còn trên xe không có người trông coi. Bị cáo P đi qua quán khoảng 15m thì dừng lại và nói với Thị H về trước để bị cáo đi chơi. Sau đó bị cáo đi bộ quay lại quán cà phê 679 ngồi lên xe rồi đề khởi động máy điều khiển xe chạy ra đường QL 14 hướng về thị xã Đồng Xoài để tìm nơi tiêu thụ. Trị giá Chiếc xe mô tô biển số 93L1 – 18XXX bị chiếm đoạt tại thời điểm xảy ra tội phạm là 25.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Đỗ Hoàng P đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ, Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có một tiền án về tội “cướp đã bị xử lý nhưng chưa được xóa án tích. Ngoài ra bị cáo còn là người có nhân thân xấu ngày 22/01/2007 bị Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” đã bị xử lý nhưng do khi phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi nên không được coi là án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội, thể hiện bản tính coi thường pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngày 10/9/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade Fi biển kiểm sát 93L1 -18XXX màu vàng – trắng – đen số khung JF4607DY625XXX; số máy JF46E4315XXX đã trả lại cho người bị hại chị Nguyễn Thị K là chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đỗ Hoàng P phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s Khoản 1, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2018.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Hoàng P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long